

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, bãi bỏ Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 147/TTr-SNN ngày 11/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 04 Danh mục và phê duyệt 04 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

1. Công bố 04 Danh mục thủ tục hành chính (*cấp tỉnh*) lĩnh vực Thú y
(*Có Phụ lục I ban hành kèm theo*)

2. Phê duyệt 04 quy trình nội bộ đối với 04 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Có Phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định bãi bỏ 09 Danh mục thủ tục hành chính và 11 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, gồm:

1. Bãi bỏ 09 thủ tục hành chính (*Số thứ tự 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14 Mục I, Phần A*) tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Có Phụ lục III ban hành kèm theo)

2. Bãi bỏ 11 quy trình nội bộ nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (*Số thứ tự 06, 07, 08, 9.1, 9.2, 10.1, 10.2, 11, 12, 13, 14, Mục III, Phần C*) lĩnh vực Thú y được phê duyệt tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Có Phụ lục IV ban hành kèm theo)

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tùg(35b).

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I:

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÚ Y
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					14/11/2016.	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật.
3	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu,	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y). - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
4	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.	Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật.

Phụ lục II:
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 35 ngày
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 28 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.
- Thời gian đã cắt giảm: 7 ngày (*Giảm 20%*)
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	½ ngày
B2	Phân công cho phòng QLDB	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến phân công	½ ngày
B3	Phòng Quản lý Dịch bệnh tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý Dịch bệnh	Ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên phòng Quản lý Dịch bệnh	Thẩm định hồ sơ; dự thảo văn bản trả lời, Quyết định thành lập đoàn đánh giá	6 ngày
		Lãnh đạo Phòng Quản lý Dịch bệnh	Ý kiến xét duyệt	1 ngày
B5	Tổ chức đánh giá vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh	Đoàn đánh giá, Phòng Quản lý Dịch bệnh	Đánh giá tại cơ sở, hồ sơ đánh giá; có dự thảo văn bản hướng dẫn và thời gian khắc phục lỗi	18 ngày
B6	Xem xét và ký duyệt <i>(trên cơ sở báo cáo kết quả khắc phục được lỗi của vùng)</i>	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Quyết định và giấy chứng nhận	01 ngày
B7	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Quản lý Dịch bệnh	Văn bản phát hành <i>(Quyết định và giấy chứng nhận)</i>	½ ngày

B8	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Giấy chứng nhận cơ sở ATDB động vật	
Tổng thời gian thực:				28 ngày

2. Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 04 ngày
- Thời gian đã cắt giảm: 01 ngày (*Giảm 20%*)
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phân công việc cho phòng QLDB	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến phân công	½ ngày
B3	Phòng Quản lý Dịch bệnh tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý Dịch bệnh	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Quản lý Dịch bệnh	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản trả lời, quyết định và giấy chứng nhận	1 ngày
		Lãnh đạo Phòng Quản lý Dịch bệnh	Ý kiến xét duyệt	½ ngày
B4	Trên cơ sở ý kiến xét duyệt thẩm định của Phòng QLDB về kết quả đánh giá định kỳ hằng năm hoặc báo cáo khắc phục lỗi hoặc báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt: văn bản trả lời, quyết định và giấy chứng nhận)	01 ngày
B5	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Quản lý Dịch bệnh	Văn bản phát hành (Quyết định và giấy chứng nhận)	½ ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Giấy chứng nhận cơ sở ATDB động vật	
Tổng thời gian thực:				04 ngày

3. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 25 ngày
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 17 ngày
- Thời gian đã cắt giảm: 08 ngày (*Giảm 32%*)

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Chi cục CNTYTS	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phân công việc cho phòng QLDB	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến phân công	½ ngày
B3	Phòng Quản lý Dịch bệnh tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý Dịch bệnh	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên phòng Quản lý Dịch bệnh	Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng Quản lý Dịch bệnh	Ý kiến xét duyệt	½ ngày
B5	Phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Văn bản trả lời, quyết định thành lập đoàn đánh giá	½ ngày
B6	Tổ chức đánh giá cơ sở đăng ký công nhận ATDB động vật	Đoàn đánh giá	Đánh giá tại cơ sở, hồ sơ đánh giá	09 ngày
B7	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Quản lý Dịch bệnh	Dự thảo văn bản trả lời, giấy chứng nhận, quyết định	1/2 ngày
B8	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Văn bản trả lời, giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Bàn giao kết quả ra bộ phận TN và TKQ của Sở	Chuyên viên Phòng Quản lý Dịch bệnh	Văn bản trả lời, giấy chứng nhận	½ ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Văn bản trả lời, giấy chứng nhận	
Tổng thời gian thực hiện:				17 ngày

4. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 05 ngày
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm: 04 ngày
- Thời gian đã cắt giảm: 01 ngày (*Giảm 20%*)
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian TH
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	½ ngày
B2	Phân công việc cho phòng QLDB	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến phân công	½ ngày
B3	Phòng Quản lý Dịch bệnh tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý Dịch bệnh	Ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên phòng Quản lý Dịch bệnh	Thẩm định hồ sơ	1 ngày
		Lãnh đạo Phòng Quản lý Dịch bệnh	Ý kiến xét duyệt (Văn bản trả lời hoặc giấy chứng nhận, quyết định)	½ ngày
B4	Trên cơ sở ý kiến xét duyệt thẩm định của Phòng QLDB về kết quả đánh giá định kỳ hằng năm hoặc báo cáo khắc phục lỗi hoặc báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Ý kiến phê duyệt (<i>giấy chứng nhận, Quyết định</i>)	1/2 ngày
B5	Lưu sổ và bàn giao	Chuyên viên phòng Quản lý Dịch bệnh	Văn bản phát hành (<i>Quyết định và giấy chứng nhận</i>)	½ ngày
	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ của Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Giấy chứng nhận cơ sở ATDB động vật	
Tổng thời gian thực:				04 ngày

Phụ lục III:

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC THÚ Y
ĐƯỢC CÔNG BỐ TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1963/QĐ-UBND NGÀY 09/8/2019 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	13 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	300.000đ/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/7/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chuẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	Số thứ tự 06, Mục I, Phần A tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	13 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính	300.000đ/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/7/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ	Số thứ tự 07, Mục I, Phần A tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 09/8/2019

						Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chuẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	của Chủ tịch UBND tỉnh
3	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (<i>trên cạn và thủy sản</i>) đối với cơ sở phải đánh giá lại	13 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	300.000 đồng/lần	- Thông tư số <u>14/2016/TT-BNNPTNT</u> ngày 02/7/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số <u>285/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số <u>283/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chuẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	Số thứ tự 08, Mục I, Phần A tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	- 13 ngày làm việc (<i>TH chưa được đánh giá định kỳ</i>); - 05 ngày làm việc (<i>TH đã</i>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	300.000đ/lần	- Thông tư số <u>14/2016/TT-BNNPTNT</u> ngày 02/7/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số <u>285/2016/TT-</u>	Số thứ tự 09, Mục I, Phần A tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày

		<i>được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng).</i>				<u>BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số <u>283/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chuẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	05 ngày làm việc (TH cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng). - 13 ngày (TH còn lại).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	300.000đ/lần	- Thông tư số <u>14/2016/TT-BNNPTNT</u> ngày 02/7/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số <u>285/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số <u>283/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chuẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	Số thứ tự 10, Mục I, Phần A tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
6	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	Không	- Thông tư số <u>14/2016/TT-BNNPTNT</u> ngày 02/7/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;	Số thứ tự 11, Mục I, Phần A tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND

						- Thông tư số <u>285/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y	ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
7	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	300.000 đồng/lần	- Thông tư số <u>14/2016/TT-BNNPTNT</u> ngày 02/7/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số <u>285/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số <u>283/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chuẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	Số thứ tự 12, Mục I, Phần A tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
8	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	13 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	300.000 đồng/lần	- Thông tư số <u>14/2016/TT-BNNPTNT</u> ngày 02/7/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số <u>285/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu,	Số thứ tự 13, Mục I, Phần A tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch

						chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số <u>283/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chuẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	UBND tỉnh
9	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (<i>trên cạn và thủy sản</i>) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	13 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	300.000 đồng/lần	- Thông tư số <u>14/2016/TT-BNNPTNT</u> ngày 02/7/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số <u>285/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số <u>283/2016/TT-BTC</u> ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chuẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.	Số thứ tự 14, Mục I, Phần A tại Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh

Phụ lục IV:

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÚ Y
BỊ BÃI BỎ TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2129/QĐ-UBND NGÀY 29/8/2019 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên Quy trình	Bãi bỏ tại Quyết định	Ghi chú
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Số thứ tự 06, Mục III, Phần C tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản <i>(đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)</i>	Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Số thứ tự 07, Mục III, Phần C tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
3	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật <i>(trên cạn và thủy sản)</i> đối với cơ sở phải đánh giá lại	Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Số thứ tự 08, Mục III, Phần C tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
4	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Số thứ tự 09 (9.1; 9.2), Mục III, Phần C tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Số thứ tự 10 (10.1; 10.2), Mục III, Phần C tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh

TT	Tên Quy trình	Bãi bỏ tại Quyết định	Ghi chú
6	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (<i>trên cạn hoặc thủy sản</i>)	Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Số thứ tự 11, Mục III, Phần C tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
7	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Số thứ tự 12, Mục III, Phần C tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
8	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Số thứ tự 13, Mục III, Phần C tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
9	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (<i>trên cạn và thủy sản</i>) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Số thứ tự 14, Mục III, Phần C tại Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh